Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3920.30.91

Mã HS	3920.30.91
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polyme từ styren: / - - Loại khác: / - - - Dạng tấm và phiến, loại cứng(SEN)
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 14:33:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39203091/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6026
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6026
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6026
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY, MM, PH)	0% (trừ MY, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MM, PH)	0% (trừ ID, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5836
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5797
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5797
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5797
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5797
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5797
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5797
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5841
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5841
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5841

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5841
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5841
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5841
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5839
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5839
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5839
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5839
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5839
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5839
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5843
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5803
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5799
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5799
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5799
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5799
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5799
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5799
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5818
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5818
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5818
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5818
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5818
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5818
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5865
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5865
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5865

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5865
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5865
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5865
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5850
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5850
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5850
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5850
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5850
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5850
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5853
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5853
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5853
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5853
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5853
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5853
EVFTA	2022	2022	2	EV-NK!D5838
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5838
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5838
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5838
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5838
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5838
UKVFTA	2022	2022	2	UKV!D5840
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5840
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5840
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5840
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5840

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5840
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5822
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5822
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5822
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5822
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5822
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5822
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5822
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5843
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5843
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5843
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5843
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5843
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5843
RCEP B	2022	2022	0	B!D5843
RCEP B	2023	2023	0	B!E5843
RCEP B	2024	2024	0	B!F5843
RCEP B	2025	2025	0	B!G5843
RCEP B	2026	2026	0	B!H5843
RCEP B	2027	2027	0	B!I5843
RCEP C	2022	2022	0	C!D5843
RCEP C	2023	2023	0	C!E5843
RCEP C	2024	2024	0	C!F5843
RCEP C	2025	2025	0	C!G5843
RCEP C	2026	2026	0	C!H5843
RCEP C	2027	2027	0	C!I5843

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D5843
RCEP D	2023	2023	0	D!E5843
RCEP D	2024	2024	0	D!F5843
RCEP D	2025	2025	0	D!G5843
RCEP D	2026	2026	0	D!H5843
RCEP D	2027	2027	0	D!I5843
RCEP E	2022	2022	0	E!D5846
RCEP E	2023	2023	0	E!E5846
RCEP E	2024	2024	0	E!F5846
RCEP E	2025	2025	0	E!G5846
RCEP E	2026	2026	0	E!H5846
RCEP E	2027	2027	0	E!I5846
RCEP F	2022	2022	0	F!D5843
RCEP F	2023	2023	0	F!E5843
RCEP F	2024	2024	0	F!F5843
RCEP F	2025	2025	0	F!G5843
RCEP F	2026	2026	0	F!H5843
RCEP F	2027	2027	0	F!I5843
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5392
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5392
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5392
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5392

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3920.30 có 4 dòng thuế; dòng 3920.30.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng tấm và phiến, loại cứng(SEN).	3920.30.20 Tấm Acrylonitril butadien styren (ABS) sử dụng trong sản xuất tủ lạnh; 3920.30.92 Loại khác, dạng tấm và phiến (SEN); 3920.30.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3920.30.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3920.30.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6026), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.